NHỮNG THÁCH THỨC VÀ NGUY CƠ AN NINH PHI TRUYỀN THỐNG ĐỐI VỚI PHỤ NỮ HIỆN NAY

ĐẶNG THỊ THANH TRÂM
Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Nhận bài ngày 19/4/2025. Sửa chữa xong 23/4/2025. Duyệt đăng 28/4/2025.

Abstract

Currently, the international and domestic context has many advantages but also many difficulties and complexities, affecting all subjects in society at different levels and dimensions. Based on the gender approach, the article points out the challenges and some new non-traditional security issues that have greatly affected women. The article analyzes the causes of the problems and proposes corresponding solutions.

Keywords: *Gender inequality, non-traditional security risks, women, challenges.*

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, cuộc cách mạng 4.0 đang làm thay đổi nhanh chóng mọi phương thức hoạt động của con người. Tình hình chính trị, kinh tế và các vấn đề toàn cầu diễn tiến theo chiều hướng phức tạp, khó lường. Việt Nam đang thực hiện nhiều cuộc cách mạng quan trọng. Bối cảnh này vừa tạo ra những cơ hội song cũng gây ra những thách thức cho mọi chủ thể từ doanh nghiệp, địa phương đến từng cá nhân. Xét trên phương diện giới, nữ giới một mặt có thêm cơ hội học tập, kinh doanh, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, vị thế xã hội mặt khác cũng phải đối mặt với nguy cơ tình trạng bất bình đẳng giới ở mức độ cao hơn và một số vấn đề an ninh phi truyền thống rất đáng quan ngại. Tuy vấn đề không mới, song bài viết nhận diện tổng quát những thách thức đang đặt ra đối với phụ nữ Việt Nam hiện nay; luận giải nguyên nhân; chỉ ra các giải pháp sát thực, là đóng góp của bài viết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Những thách thức và nguy cơ an ninh phi truyền thống đối với phụ nữ

2.1.1. Sự bất bình đẳng giới về địa vị kinh tế tăng lên

Sự tham gia và vị thế của phụ nữ trong nền kinh tế có ý nghĩa quan trọng khi góp phần quyết định cả số và chất lượng của nguồn nhân lực, cải thiện tình trạng bất bình đẳng giới về kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững của quốc gia. Theo Tổng cục Thống kê (2020), phụ nữ Việt Nam tham gia lực lượng lao động năm 2019 đạt 76,8%, thuộc nhóm cao nhất Đông Nam Á song họ phải đối mặt với những thách thức lớn về địa vị kinh tế đưa lại.

a. Vị thế thấp hơn nam giới trong cơ cấu việc làm: Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội nhiệm kỳ 2021-2026 đạt 30,26%. Tại địa phương, tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là 29%, cấp xã 28,98%. Tỷ lệ lãnh đạo chủ chốt Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là 37,7% ; cấp xã là 24,04%. Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ chiếm khoảng 20% [9]. Ngược lại, trong gia đình, số lượng công việc nhà do phụ nữ thực hiện chênh lệch lớn so với nam giới. Khảo sát ở hai khu vực đô thị và nông thôn, kết quả tương tự nhau. Nam giới chỉ làm từ 0 – 2 đầu việc, trong khi phụ nữ làm ít nhất từ 5 đầu việc trở lên [10]. Năm 2016 – 2017, ActionAid Việt Nam thực hiện nghiên cứu về công việc chăm sóc không lương. Kết quả, phụ nữ giành trung bình 4,5 giờ một ngày, tương đương 32 giờ trong 1 tuần và 207 ngày làm việc trong 1 năm. Thời

Email: dangthithanhtram@humg.edu.vn

gian làm việc nhà của phụ nữ gấp 1,62 lần so với nam giới [2].

b. Thu nhập thấp và nguy cơ thất nghiệp cao: Năm 2020, lao động nữ chiếm tới 68,9% tổng số lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp, khu chế xuất và tham gia các chuỗi cung ứng toàn cầu, song chỉ được hưởng một phần rất nhỏ trong giá trị của chuỗi. Khi so với nam giới cùng trình độ, cùng vị trí công việc, trung bình thu nhập của lao động nữ thấp hơn nam giới 10,7%. Sự chênh lệch này ở các nhóm trình độ cao hơn thì nới rộng hơn. Năm 2016, thu nhập của lao động nữ chưa qua đào tạo thấp hơn nam là 8,1%, ở nhóm trình độ đại học trở lên chênh lệch lên tới 19,7%. Thu nhập thấp là một nguyên nhân quan trọng khiến phụ nữ phải lựa chọn những công việc có điều kiện làm việc tồi tệ hơn, thời gian làm việc dài hơn để nâng cao thu nhập [11].

Không chỉ thu nhập thấp, lao động nữ còn phải đối mặt với nguy cơ thất nghiệp cao hơn nam giới khi nền kinh tế biến động. Năm 2019, để chống chọi với đại dịch Covid 19, lao động nữ Việt Nam đóng vai trò rất quan trọng trong nhiều khâu của xã hội nhưng lại là lực lượng đầu tiên bị sa thải, mất việc khi nền kinh tế khó khăn. Số liệu Tổng cục Thống kê (2023) cho thấy, lao động nữ giảm mạnh từ 25,9 triệu người năm 2019 xuống 22,8 triệu người năm 2021. Khoảng cách giữa tỷ lệ có việc làm của nam và nữ đã nới rộng từ 5,4 lên 6,4 điểm phần trăm trong giai đoạn 2019-2022 [3]. Trong nhóm thất nghiệp, lao động nữ chiếm 57,3% ở nhóm lao động "chưa qua đào tạo" và 50,2% trong nhóm "đã được đào tạo nghề/chuyên nghiệp" [16]. Hiện nay, nền kinh tế Việt Nam tập trung nâng cao năng suất lao động, tái cơ cấu nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế số. Yêu cầu này đặt ra hai vấn đề về nguồn nhân lực: cắt giảm lao động thủ công, gia tăng nguồn nhân lực chất lượng cao. Báo cáo của Goldman Sachs, 86% lao động trong các ngành dệt may và giày dép ở Việt Nam có nguy cơ cao mất việc [18], tiếp theo là các ngành được dự đoán sẽ bị thay thế bởi máy móc như nông - lâm - thủy sản, công nghiệp chế biến - chế tạo, bán buôn bán lẻ. Để có được nguồn nhân lực chất lượng cao thì lĩnh vực STEM (nhóm ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học) đã được đẩy mạnh đưa vào các cấp học. Tuy nhiên, chỉ có 36% sinh viên tốt nghiệp đại học là nữ làm việc trong lĩnh vực STEM, 78% sinh viên theo học tại Đại học Bách Khoa Hà Nội là nam giới [14]. Thực trạng này cho thấy cuộc cách mạng 4.0 đã, đang không giúp cho phụ nữ rút ngắn khoảng cách về thu nhập, vị thế xã hội với nam giới, thậm chí còn nới rộng khoảng cách đó. Công ty phân tích nguồn nhân lực Revelio Labs nhận định: "khi trí tuệ nhân tạo AI đã và đang tạo ra nhiều thay đổi tích cực trong lực lượng lao động, từ nhà biên kịch đến cố vấn tài chính, thì công nghệ này cũng đang "đe dọa" tới phần lớn công việc do phụ nữ đảm nhiệm" [7].

Như vậy, phụ nữ tham gia một lực lượng lao động lớn cho quốc gia, làm đa số các công việc trong gia đình song vị thế trong cơ cấu việc làm tính thu nhập so với nam giới lại rất hạn chế; khả năng tiếp cận việc làm và việc làm có thu nhập tốt đã, đang và sẽ khó khăn hơn nhiều so với nam giới.

2.1.2. Tỷ lệ nữ giới được nâng cao trình độ học vấn còn hạn chế: Theo kết quả điều tra dân số và nhà ở (2019), trong tổng số người mù chữ, phụ nữ vẫn chiếm hơn 2/3, 12% em gái trong độ tuổi 5 tuổi trở lên chưa bao giờ đi học, tỷ lệ này là 7,5% đối với các em trai. Sự chênh lệch tỷ lệ giữa nam và nữ trong giáo dục còn nới rộng ở các bậc học cao hơn. Số liệu Tổng cục Thống kê (2014), tỷ lệ nữ có trình độ đại học là 46,6%, trình độ tiến sĩ 21%. Năm 2019: tỷ lệ nữ có trình độ đại học là 48,7%, trình độ tiến sĩ 25,1%. Giai đoạn 2012- 2016, tỷ lệ nữ được phong hàm phó giáo sư là 26,3%; giáo sư 8,4%. Giai đoạn 2017 – 2021: phó giáo sư 27,7% và giáo sư 11,8% [20]. Tỷ lệ nữ giới đạt trình độ đại học và được phong học hàm, học vị có xu hướng được cải thiện song vẫn thấp hơn nhiều so với nam giới, nhất là ở trình độ cao.

2.1.3. Phải chịu nhiều hình thức bạo lực: Kết quả nghiên cứu về bạo lực đối với phụ nữ Việt Nam (2019) cho thấy: 63% phụ nữ phải chịu một hoặc nhiều hình thức bạo lực, 32% bị bạo lực thể xác hoặc tình dục, và 47% bị bạo lực tinh thần do chồng hoặc người sống chung gây ra. Phụ nữ còn bị bạo lực từ nhiều đối tượng khác, với 11% bị bạo lực thể xác và 9% bị bạo lực tình dục từ người khác không phải chồng từ 15 tuổi [21]. Thiệt hại kinh tế do tình trạng này gây ra chiếm tới 1,81% tổng sản phẩm quốc nội [17]. Không chỉ là nạn nhân của bạo lực ở không gian thực, phụ nữ còn là nạn nhân của tình trạng bạo lực trên không gian mạng. Theo Liên minh châu Âu (EU), "phụ nữ đang trở thành mục tiêu chính

của các vụ tấn công trên nền tảng các mạng xã hội, bao gồm ngôn ngữ lăng mạ, quấy rối và kích động bạo lực tình dục"[5]. Theo tổ chức UN Women thì "khi phụ nữ và trẻ em gái truy cập Internet, họ phải đối mặt với bạo lực thường xuyên hơn so với nam giới thông qua một chuỗi liên tục các hình thức bạo lực trên cơ sở giới được lặp đi lặp lại và có mối quan hệ với nhau" [1]. Đó là các việc bị đe dọa thể chất, quấy rối tình dục, rình rập, tấn công nền tảng zoom và trêu trọc tình dục. Các nghiên cứu cho thấy 70% phụ nữ là nạn nhân của tấn công mạng cũng từng trải qua ít nhất một hình thức bạo hành thể xác và tinh thần từ đối tác. Điều tra của UNICEF (2016) cho thấy, 74% trẻ em và trẻ vị thành niên ở Việt Nam tin rằng các em có nguy cơ bị xâm hại tình dục hoặc bị lợi dụng trên mạng. Đáng lo ngại là số tuổi của trẻ em bị xâm hại qua mạng ngày càng trẻ hoá, số lượng theo chiều hướng gia tăng nhưng rất ít trường hợp được xử lý. Mặc dù cho đến nay chưa có số liệu về nạn bạo lực mạng đối với phụ nữ và các em gái ở Việt Nam, song trên thực tế đã có không ít nạn nhân (từ các người nổi tiếng đến những sinh viên, học sinh bình thường) bị tấn công trên mạng và dẫn tới kết cục rất đáng thương tâm.

2.1.4. Là nạn nhân chủ yếu của các vụ lừa đảo qua mạng: Đầu năm 2024, dân số của Việt Nam đạt 99,19 triệu người; 78,44 triệu người sử dụng Internet, 72,70 triệu người sử dụng mạng xã hội (tương đương với 73,3% tổng dân số). Trong đó, 50,6% dân số Việt Nam là nữ, 49,4% dân số là nam; 39,8% dân số Việt Nam sống tại các trung tâm đô thị, trong khi 60,2% sống ở vùng nông thôn [13]. Như vậy, chiếm số đông tỷ lệ người dân Việt Nam sử dụng internet và mạng xã hội là phụ nữ, và phần đông họ ở những vùng được hưởng thụ giáo dục còn hạn chế. Mạng Internet cho phép người đăng tải thông tin và nội dung trực tuyến một cách dễ dàng song nó không giúp người dùng phân biệt, kiểm chứng đúng/sai, thật /giả. Mặc dù người dùng không lộ diện nhưng thông tin cá nhân của họ đã bị các công ty truyền thông tổng hợp, sử dụng và chia sẻ cho nhiều đối tượng. Điều này dẫn đến các loại tội phạm trên mạng xã hội ngày càng gia tăng. Có khoảng 30 loại hình tội phạm sử dụng công nghệ cao khác nhau như lừa tiền, lừa tình, quấy rối tình dục, tấn công mạng… Đáng chú ý là cứ 10 nạn nhân bị lừa đảo trực tuyến thì có 9 người là phụ nữ [4]. Rõ ràng, những bất bình đẳng giới về địa vị kinh tế, giáo dục tiếp tục nới rộng khoảng cách. Không những thế, phụ nữ còn phải đối mặt với những vấn đề an ninh phi truyền thống mới nảy sinh (lừa đảo qua mạng) rất phức tạp.

2.2. Nguyên nhân của những thách thức, nguy cơ đối với phụ nữ

2.2.1. Do định kiến giới hằn sâu và phổ biến: Cuộc điều tra về bạo lực phụ nữ (2019) cho thấy: Một phần ba phụ nữ ở Việt Nam ủng hộ nam giới, chứ không phải phụ nữ, phải là người ra quyết định và là chủ gia đình. Hơn một nửa phụ nữ được phỏng vấn (52%) đã đồng tình với ít nhất một lý do hoặc tình huống mà có thể chấp nhận việc chồng đánh vợ [21]. Kết quả nghiên cứu đều khẳng định không có sự khác biệt về năng lực trong lĩnh vực STEM giữa nam và nữ, mà chủ yếu là do định kiến giới. Chính bản thân giáo viên, học sinh, sinh viên nữ tự cho rằng phụ nữ không hợp với các lĩnh vực STEM; những việc khô khan, nặng nhọc, tư duy cao giành cho đàn ông. Phụ nữ bị đóng khung với những công việc điển hình như trợ lý hành chính, thư ký, giáo viên. Nghiên cứu "Báo chí và định kiến giới đối với lãnh đạo nữ" tại Việt Nam cho thấy, trong số nhân vật nguồn tin được sử dụng, lãnh đạo nam giới chiếm đa số những người được phỏng vấn, đưa tin hay trích dẫn với tỷ lệ 85,7%, tỷ lệ lãnh đạo nữ chỉ chiếm 14,3%. Các vấn đề mà lãnh đạo nữ xuất hiện để trả lời được mặc định là vấn đề: giáo dục, trẻ em, gia đình, dịch vụ xã hội. Lãnh đạo nam giới lại được phỏng vấn nhiều hơn về những vấn đề: Kinh tế vĩ mô, ngân sách, quan hệ đối ngoại, an ninh, sự kiện quốc tế [6]. Không chỉ có vậy, định kiến giới về vai trò truyền thống mà phụ nữ được kỳ vọng phải đảm nhận nay còn được củng cố bằng các chuẩn mực xã hội lẫn luật pháp của quốc gia [22]. Ngày nay, phụ nữ Việt Nam phải mang gánh nặng kép "Giỏi việc nước, đảm việc nhà"; quy định tuổi nghỉ hưu bắt buộc đối với phụ nữ thấp hơn nam giới hoặc việc loại trừ lao động nữ ra khỏi một số công việc nhất định. Định kiến giới còn được thể hiện trong việc tôn vinh, ca ngợi đức hy sinh, sự tần tảo vì chồng, vì con của phụ nữ; hoặc những lời chúc tụng "phụ nữ có sứ mệnh lan tỏa yêu thương", "kiến tạo hạnh phúc". Những định kiến này khiến phụ nữ phải chịu nhiều vất vả, áp lực.

2.2.2. Một số nhận thức của xã hội còn sơ sài, lệch lạc: Ngoài định kiến giới, những vấn đề của phụ nữ hiện nay còn bị tác động bởi những nhận thức xã hội về giới rất sơ sài, không đầy đủ, thậm chí là lệch

lạc. Khoản 3 Điều 5 Luật Bình đẳng giới xác định: "Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình. Nam và nữ có quyền thụ hưởng như nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình". Như vậy, bình đẳng giới chính là tôn trọng sự khác biệt về giới, từ đó tạo mọi điều kiện để cả hai giới cùng phát triển. Tuy nhiên, có một số quan niệm không đúng như: bình đẳng giới là đấu tranh cho nữ quyền hay xã hội đã có bình đẳng thì không cần đấu tranh hoặc "cào bằng" nữ giới và nam giới [15].

Về tình trạng quấy rối tình dục, có gần 70% số người được hỏi không coi hành động "email hoặc tin nhắn khiêu dâm lặp đi lặp lại, hoặc không phù hợp" là quấy rối tình dục [19]. Nhiều người cho rằng, chỉ khi nào có hành vi ôm, hôn, sờ soạng hoặc hiếp dâm thì mới là quấy rối. Việc phụ nữ bị quấy rối, có người cho rằng chuyện bình thường; có người thấy xấu hổ không dám phản ứng hoặc tố cáo vì sợ bị xã hội chê cười.

Một thực trạng khác đáng quan ngại là một bộ phận phụ nữ có nhận thức và lối sống lệch lạc, phóng túng. Họ quan niệm "yêu cuồng, sống vội", khai thác lợi thế tuổi trẻ, nhan sắc hoặc tiền bạc sẵn sàng lao vào những mối tình mang tính vụ lợi với những người đàn ông chênh lệch tuổi tác rất lớn bất kể già hay trẻ hoặc chấp nhận làm người thứ ba trong mối quan hệ mập mờ với người đã có gia đình; thậm chí có ý đồ phá vỡ các mối quan hệ gia đình của người khác.

Gốc rễ sâu xa của nhận thức xã hội sơ sài, những lối sống, quan niệm lệch lạc về bình đẳng giới là từ những hệ lụy của sự bất bình đẳng về địa vị kinh tế, giáo dục đưa lại.

2.2.3. Việc bảo vệ quyền lợi của phụ nữ trên lĩnh vực pháp luật vẫn còn hạn chế: Việt Nam đã đạt được những thành tựu trong việc bảo vệ quyền lợi của phụ nữ tuy nhiên vẫn tồn tại những hạn chế, bất cập. Điều này được thể hiện trên lĩnh vực luật pháp. Có những quy định thoạt về hình thức là tạo điều kiện hỗ trợ cho phụ nữ nhưng sâu xa lại chứa đựng những định kiến giới. Khoản 1 Điều 71 Luật Hôn nhân và Gia đình (2014), quy định: "Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên". Khoản 4 Điều 2 xác định nguyên tắc cơ bản trong việc thực hiện chế độ hôn nhân gia đình lại là: "giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ; thực hiện kế hoạch hóa gia đình". Vô hình trung điều này khẳng định trách nhiệm nuôi dạy con cái thuộc về người mẹ; trách nhiệm thực hiện kế hoạch hóa gia đình là của người vợ.

Theo điểm g Khoản 3 Điều 102 Nghị định 15/NĐ-CP phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng đối với một trong các hành vi cung cấp, trao đổi, truyền đưa hoặc lưu trữ, sử dụng thông tin số nhằm đe dọa, quấy rối, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác. Nghị định 144/2021/NĐ-CP xử phạt vi phạm hành chính với người có hành vi sàm sỡ, quấy rối tình dục người khác sẽ bị phạt tiền từ 5 – 8 triệu đồng. Số tiền xử phạt rõ ràng vẫn chưa cao, chưa đủ sức răn đe. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi quấy rối tình dục chưa được Bộ luật Hình sự 2015 quy định cụ thể. Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 và Luật An toàn thông tin mạng năm 2018 không có quy định liên quan đến bảo vệ nữ giới trên môi trường mạng. Nhìn chung, một số văn bản luật chưa giải quyết các vấn đề bất bình đẳng giới từ góc độ văn hóa, xã hội, đạo đức vốn được đóng khung trên các chuẩn mực xã hội, các định kiến giới [19].

2.2.4. Đối tượng xấu lợi dụng những đặc tính của giới nữ: Mục tiêu chủ yếu sử dụng mạng của nữ giới lại là nhu cầu chia sẻ, tâm sự (hơn 60%). Với những nội dung liên quan mua bán, quảng cáo, tỷ lệ nữ giới tham gia cao gần gấp rưỡi so với nam giới [12]. Dễ tin người, dễ bị cảm xúc và các lời lẽ chi phối; dễ chia sẻ thông tin cá nhân hay tâm sự với người khác; thể chất và tinh thần thường yếu đuối hơn so với nam giới nên thường không có khả năng phản ứng, tự bảo vệ khi bị tấn công là những đặc tính của nữ giới. Trong khi các ứng dụng, giao tiếp trên không gian mạng diễn ra nhanh chóng khiến con người nhiều khi không kịp suy nghĩ; các tài sản là dữ liệu người dùng bị thu thập, sử dụng và chia sẻ. Với những đặc tính này, phụ nữ phải chịu tổn thương với số lượng nhiều hơn, hậu quả trầm trọng hơn.

Như vậy, phần lớn nguyên nhân của những thách thức, nguy cơ an ninh phi truyền thống ảnh hưởng đến phụ nữ hiện nay xuất phát từ định kiến giới còn hằn sâu trong xã hội; từ sự thiếu hụt hoặc

chưa hoàn thiện của luật pháp; từ nhận thức xã hội còn hạn chế, sơ sài; từ sự tinh vi của những kẻ phạm tội và từ những hạn chế mang đặc tính của chính phụ nữ.

2.3. Giải pháp

Xóa bỏ định kiến xã hội, nâng cao nhận thức hạn chế về giới, về bình đẳng giới, cần phải sử dụng "Vũ lực của cuộc cách mạng này là sự tiến bộ về chính trị, kinh tế, văn hóa, pháp luật. Phải cách mạng từng người, từng gia đình đến toàn dân"[8, tr. 433]. Cuộc cách mạng này chắc chắn sẽ lâu dài và khó khăn. Song, trước hết, Nhà nước phải sử dụng chính các yếu tố của thời đại như mạng xã hội, công nghệ chuyển đổi số là phương thức rút ngắn khoảng cách của sự bất bình đẳng giới. Bằng chuyển đổi số sẽ tạo cơ hội, môi trường, điều kiện để các trẻ em gái, phụ nữ ở các vùng khó khăn được tiếp cận và hưởng thụ giáo dục; được trang bị kiến thức, ý thức về pháp luật, kiến thức về các hình thức tội phạm công nghệ; được tạo cơ hội có việc làm.

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho toàn dân hiểu đúng về bình đẳng giới; những biểu hiện của bất bình đẳng giới hiện nay trên các lĩnh vực và hệ lụy của nó đối với sự phát triển của gia đình, xã hội và quốc gia.

Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật còn biểu hiện của định kiến giới; nghiên cứu về các nguy cơ an ninh phi truyền thống đe dọa phụ nữ, trẻ em gái; bổ sung các quy định, chế tài bảo vệ quyền của phụ nữ trên không gian mạng; nâng mức xử lý các hành vi xâm phạm đến quyền lợi của phụ nữ ở cả hai không gian; rà soát, loại bỏ những biểu hiện định kiến giới hoặc những nhận thức lệch chuẩn về BĐG trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, giáo dục, truyền thông, văn hóa (phim ảnh, hội họa, ca nhạc….) các phong trào thi đua không còn phù hợp với thời cuộc hiện nay. Đồng thời, truyền thông về các vẻ đẹp, giá trị, vai trò của phụ nữ trong bối cảnh mới.

Các cơ quan chức năng, các cơ sở hội phụ nữ đổi mới cách tiếp cận phụ nữ trên cơ sở giới để nắm bắt được đầy đủ tâm tư, tình cảm, tâm lý, nhận thức của họ, từ đó, xác định cách thức tuyên truyền, vận động; trang bị, hướng dẫn cho từng đối tượng phụ nữ những hiểu biết về công nghệ, mạng xã hội, các mánh khóe lừa đảo của tội phạm công nghệ; luật pháp về quyền của phụ nữ; kỹ năng ứng xử, giao tiếp; cách bảo vệ mình trên bất cứ không gian nào.

Các giải pháp nêu trên đến từ bên ngoài nhằm mục đích kiến tạo cho phụ nữ điều kiện, môi trường an toàn hơn, lành mạnh hơn, văn minh hơn; có cơ hội để khẳng định, phát triển giá trị bản thân; có cuộc sống thực sự giá trị, hạnh phúc; giảm thiểu bất bình đẳng giới trong xã hội, góp phần cho sự phát triển bền vững của đất nước. Tuy nhiên, điều này chỉ phát huy tác dụng khi bản thân người phụ nữ tự giác ngộ được vai trò, giá trị của mình và không ngừng học tập để vươn lên thực sự làm chủ vận mệnh, tương lai của mình; không bị trói buộc bởi các định kiến giới hoặc bị sa ngã, tác động bởi những nhận thức, lối sống lệch lạc của một bộ phận phụ nữ hiện nay.

3. Kết luận

Bài viết đã tổng hợp và chỉ ra những thách thức, các nguy cơ an ninh phi truyền thống đe dọa phụ nữ hiện nay; phân tích nguyên nhân dẫn tới hiện trạng và đưa ra các giải pháp mang tính định hướng song sát thực, khả thi để góp phần giải quyết các thách thức đối với phụ nữ trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo

[1] [VIE]brief-online-and-ict-facilitated-violence-against-women-and-girls-during-covid-19-FINAL.pdf,tr 3.

[2] Chính phủ (2020), *Báo cáo số 362/BC-CP ngày 10/8/2020 của Chính phủ về việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2019 và giai đoạn 2011-2020.*

[3] Công bố nghiên cứu (2024), Sự tham gia và vị thế của phụ nữ trong nền kinh tế ở Việt Nam, nguồn: https://kinhtevadubao.vn/su-tham-gia-va-vi-the-cua-phu-nu-trong-nen-kinh-te-o-viet-nam-28079.html.

[4] Đỗ Bình (2024), *Tránh bẫy lừa đảo phụ nữ trên không gian mạng,* nguồn: https://baotintuc.vn/long-form/emagazine/tranh-bay-lua-dao-phu-nu-tren-khong-gian-mang-20240307184252054.htm.

[5] Duy Tùng (2023), *Phụ nữ là mục tiêu chính của các vụ tấn công trên mạng xã hội,* nguồn: https://www.vietnamplus.vn/phu-nu-la-muc-tieu-chinh-cua-cac-vu-tan-cong-tren-mang-xa-hoi-post910832.vnp#google_vignette.

[6] Hạ Thi (2018), *Bình đẳng giới: Còn nhiều nhận thức sai lầm - Kỳ 3: "Lệch chuẩn" truyền thông bình đẳng giới*, nguồn: https://m.tapchilaodongxahoi.vn/binh-dang-gioi-con-nhieu-nhan-thuc-sai-lam-ky-3-lech-chuan-truyen-thong-binh-dang-gioi-1311482.html.

[7] *Hé lộ nạn nhân lớn nhất của AI- Phụ nữ*, nguồn: https://cafef.vn/he-lo-nan-nhan-lon-nhat-cua-ai-phu-nu-188230530155819642.chn.

[8] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 6, 2000), NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 433

[9] Hoài Thu (2025), *Tỷ lệ nữ lãnh đạo chủ chốt trong các cơ quan thuộc chính phủ tăng cao,* nguồn: https://dantri.com.vn/xa-hoi/ty-le-nu-lanh-dao-chu-chot-trong-cac-co-quan-thuoc-chinh-phu-tang-cao-20250308114748903.htm.

[10] Hoàng Thị Giang (2020), *Kết quả thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011- 2020*, nguồn: https://www.quanlynhanuoc.vn/2020/12/01/ket-qua-thuc-hien-muc-tieu-quoc-gia-ve-binh-dang-gioi-giai-doan-2011-2020/

[11] Mai Đan (2018), *Tỷ lệ lao động nữ tại Việt Nam thuộc nhóm cao nhất thế giới,* nguồn: https://thoibaotaichinhvietnam.vn/ty-le-lao-dong-nu-tai-viet-nam-thuoc-nhom-cao-nhat-the-gioi-72466.html.

[12] Khánh Minh (2024), *Bảo vệ quyền của nữ giới trên không gian mạng*, nguồn: https://nhandan.vn/bao-ve-quyen-cua-nu-gioi-tren-khong-gian-mang-post836777.html.

[13] Nguồn: https://datareportal.com/reports/digital-2024-vietnam.

[14] Pauline Tamesis (2023), K*hai thác công nghệ và đổi mới sáng tạo để thúc đẩy hòa nhập xã hội và bình đẳng giới*, nguồn: https://vietnam.un.org/.

[15] *Một số quan điểm sai lầm về bình đẳng giới,* nguồn: https://light.org.vn/mot-so-quan-diem-sai-lam-ve-binh-dang-gioi/.

[16] Narjis HILALE (2021), *The Evolution of Artificial Intelligence (AI) and its impact on Women: how it nurtures discriminations towards women and strengthens gender inequality*, tr. 147.

[17] Nguyễn Hiền (2021), *62,9% phụ nữ Việt Nam là nạn nhân của bạo lực giới*, nguồn: https://tuoitre.vn/62-9-phu-nu-viet-nam-la-nan-nhan-cua-bao-luc-gi-20211214114126329.htm.

[18] Nguyễn Thắng (2016), *Tăng trưởng bao trùm ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và cách mạng công nghệ,* https://kinhtetrunguong.vn.

[19] Hồng Minh (2022), *Quấy rối tình dục trên môi trường số không thể bỏ qua và xem nhẹ,* nguồn: https://baophapluat.vn/quay-roi-tinh-duc-tren-moi-truong-so-khong-the-bo-qua-va-xem-nhe-post453481.html.

[20] *Tài liệu Đại hội đại biểu toàn quốc phụ nữ lần thứ XIII, Phụ lục số liệu* (2022), nguồn: https://vwu.vn/web/guest/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/phu-luc-so-lieu-51509-6801.html.

[21] *Thực trạng bạo lực đối với phụ nữ kết quả điều tra quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam năm 2019*, nguồn: https://vietnam.unfpa.org/sites/default/files/pub-pdf/5._ban_tin_nhanh_so_1.pdf.

[22] Tổ chức Lao động quốc tế (2021), *Tóm tắt nghiên cứu của ILO*, nguồn: https://www.ilo.org/sites/default/files/wcmsp5/groups/public/@asia/@ro-bangkok/@ilo-hanoi/documents/publication/wcms_774433.pdf.

GIẢI QUYẾT ĐỐI VỚI TỐ CÁO TIẾP...

Tiếp theo trang 200

3. Kết luận

Quy định về giải quyết đối với tố cáo tiếp là một quy định tiến bộ, là bảo đảm pháp lí quan trọng cho quyền tố cáo của người dân. Giải quyết tố cáo tiếp cũng đóng vai trò như một kênh kiểm soát nội bộ, giúp các chủ thể có thẩm quyền giải quyết tố cáo phải ý thức và có tinh thần trách nhiệm cao đối với hoạt động giải quyết tố cáo của mình. Để giải quyết đối với tố cáo tiếp phát huy được tối đa hiệu quả trên thực tế, việc sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật có liên quan là việc làm cần thiết, có ý nghĩa trong giai đoạn tiếp tục xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

Tài liệu tham khảo

[1] Quốc hội (2018), *Luật Tố cáo số 25/2018/QH14.*

[2] Chính phủ (2019), *Nghị định số 31/2019/NĐ-CP, ngày 10/4/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo.*

[3] Thanh tra Chính phủ (2024), *Thông tư số 07/2024/TT-TTCP, ngày 01/7/2024, quy định về thẩm quyền, nội dung thanh tra, trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.*

[4] Hoàng Thị Lan Phương (2024), *Quyền tố cáo của công dân theo pháp luật Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

[5] Thanh tra Chính phủ (2023), *Báo cáo số 234/ BC-TTCP,* ngày 18/01/2023.

[6] Nguồn:https://thanhtra.com.vn.